

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 03 - 01 - 2025

V/v “Đòi lại tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Thành Quyền;
- Ông: Nguyễn Thế Tự.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1969 và **Phạm Thị Th**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Phương Thạnh, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: **Bùi Thanh Th**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang là Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền 17 tháng 7 năm 2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1 Nguyễn Văn L. *Địa chỉ*: 185, Kênh Lắm, ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. 2 Võ Văn Nh, sinh năm 1971. *Địa chỉ*: ấp Phương Thạnh, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người làm chứng*: Đoàn Quốc T, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Th, Nguyễn Thị Y.

Cùng địa chỉ: ấp Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt. Võ Văn Nhông, Nguyễn Văn L, Đoàn Quốc T, Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Phạm Thị Th, Nguyễn Thị Y **vắng mặt không lý do**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 12/2022, nguyên đơn do không biết chữ và cũng tin tưởng nên có nhờ bị đơn là Phạm Thị Th (Chị ruột) và Nguyễn Văn S (Anh rể), mua dùm phần đất liếp của Nguyễn Văn Lập, tại ấp Phương Thạnh, xã Phương Bình.

Tổng số tiền mua đất 520.000.000 đồng, nguyên đơn đã đưa cho bị đơn số tiền là 220.000.000 đồng, giao tiền tại nhà nguyên đơn, có sự chứng kiến của: Đoàn Quốc Tịnh, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Th và Nguyễn Thị Y, ngụ cùng ấp với nguyên đơn. Sau khi nhận tiền thì vợ chồng bị đơn mới làm giấy sang đất với ông Nguyễn Văn L và đặt cọc 220.000.000 đồng. Số tiền còn lại hai bên thống nhất đến tháng 5 năm 2023 thì nguyên đơn sẽ giao đủ, việc lập giấy tờ sang bán thì do bị đơn đảm nhiệm.

Sau đó nguyên đơn bị đi chấp hành án, do không có mặt ở địa phương nên bị đơn lấy phần đất này sang cho người khác mà không thông qua ý kiến của nguyên đơn và cũng không trả lại nguyên đơn 220.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn là Phạm Thị Th và Nguyễn Văn S trả lại nguyên đơn 220.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu bị đơn trả thêm tiền lãi từ tháng 12 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 1%/tháng, với số tiền là 4.400.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn (Có yêu cầu phản tố) và Đại diện theo ủy

quyền của bị đơn trình bày:

Khoảng tháng 12 năm 2022, bị đơn Sĩ có đứng tên sang phần đất líp của Nguyễn Văn L với số tiền 520.000.000 đồng, bị đơn S có đặt cọc cho ông Lập 200.000.000 đồng, có làm biên nhận. Sau đó bị đơn bán lại nguyên đơn giá 520.000.000 đồng, nguyên đơn đặt cọc và bị đơn đã nhận của nguyên đơn 220.000.000 đồng, hợp đồng đặt cọc giữa nguyên đơn với bị đơn không được lập thành văn bản nhưng có thỏa thuận bằng lời nói với nhau, lúc này nguyên đơn nói là cho bị đơn 20.000.000 đồng, đó là tiền công của nguyên đơn. Còn lại 300.000.000 đồng nguyên đơn hẹn sau 30 ngày sẽ trả đủ nhưng đến ngày giao tiền thì nguyên đơn bị bắt nên không có tiền giao cho bị đơn. Khi mua của ông Lập thì giấy tên ông L, ông L có làm giấy với bị đơn.

Đến ngày bị đơn giao tiền cho ông Lập mà không có tiền nên bị đơn giới thiệu bán phần đất nêu trên cho Võ Văn Nh để lấy tiền giao cho ông Lập. Ông L là người đứng bán với ông Nh.

Đến năm 2024, nguyên đơn ra tù đến gặp bị đơn thương lượng và đi đến thống nhất là bị đơn sẽ đưa lại nguyên đơn 40.000.000 đồng thì nguyên đơn rút hồ sơ không khởi kiện và bị đơn đã đưa xong, có làm biên nhận nhưng sau đó nguyên đơn không rút yêu cầu mà tiếp tục khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, mặc dù hợp đồng đặt cọc giữa nguyên đơn với bị đơn không được lập thành văn bản nhưng đã có hiệu lực: Bị đơn yêu cầu phản tố: Xác định nguyên đơn vi phạm hợp đồng đặt cọc nên bị đơn không hoàn lại tiền. Đồng thời, yêu cầu nguyên đơn trả lại bị đơn 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/7/2024.

Nguyên đơn trình bày: 20.000.000 đồng tiền bị đơn nói rằng cho bị đơn là nằm ngoài số tiền 220.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2024, ông Võ Văn Nh trình bày:

Ông Nh là ở chung xóm với ông Đ, ông Sĩ và bà Th, biết mặt nhau nhưng không có bà con gì.

Vừa qua vào tháng 6 năm 2023, giữa ông Nhông và ông Nguyễn Văn L có thỏa thuận mua bán phần đất với nhau, có diện tích 14.965m², với giá 520.000.000 đồng. Nguồn gốc đất này là của ông L được Khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng cấp từ trước đến nay. Sau khi mua thì ông Nh đã trả đủ tiền cho ông L, ông Lập giao ông Nhông canh tác đến nay. Về giấy đất thì ông Lập được Khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng cấp sổ cho sử dụng chứ không phải giấy bìa đỏ.

Việc ông S, bà Th cho rằng ông, bà bán đất cho ông Nh là không đúng, vì ông Nhông mua trực tiếp đất của ông Lập, không qua mai mối, giới thiệu gì cả. Ông S chỉ là người ký tên chứng kiến. Việc tranh chấp giữa ông Đào, ông Sĩ và bà Thơm thế nào thì ông Nhông không biết vì ông không có giao kết hay mua bán đất đai gì với những người này. Hiện nay thì phần đất mua của ông Lập thì ông Nhông vẫn sử dụng ổn định, giữa ông và ông Lập không tranh chấp. Ngoài ra, ông Nhông không trình bày gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2024, ông Nguyễn Văn Lập trình bày:

Nguyễn Văn S là cháu vợ của ông L, Phạm Thị Th là cháu dâu. Phạm Văn Đ là em vợ của ông S chứ ông L không có quen biết trước.

Về phần đất giữa các bên mua bán hiện nay có tranh chấp tiền với nhau thì có nguồn gốc là của ông L, do phía khu bảo tồn Lung Ngọc H có hợp đồng giao đất cho ông L sử dụng từ những năm 1987 nhưng chưa được nhà nước cấp giấy, diện tích gần 15.000m².

Vào năm năm 2022, ông Lập bán cho ông S toàn bộ giá 500.000.000 đồng. Ông S đặt cọc cho ông Lập hai lần: Lần 1 là 50.000.000 đồng, lần 2 là 150.000.000 đồng, tổng cộng hai lần là 200.000.000 đồng. Việc nhận tiền cọc này ông L có làm giấy và ông S giữ giấy.

Sau đó giữa ông Sĩ và ông Nhông thỏa thuận mua bán phần đất này như thế nào thì ông Lập không hay nhưng đến tháng 5 năm 2023 âm lịch thì ông Sĩ có dẫn ông Nhông qua gặp ông Lập và cho biết rằng đất này đã bán cho ông Nhông nên ông Nhông giao thêm ông Lập 300.000.000 đồng nữa là đủ 500.000.000 đồng tiền ông Lập bán đất nên ông Lập có ký giấy bán đất với ông Nhông và toàn bộ giấy tờ có liên quan ông Lập đều giao hết cho ông Nhông. Theo ông Lập biết sau khi mua lại của ông Lập thì ông Sĩ bán lại cho ông Nhông giá 520.000.000 đồng, ông Sĩ lời 20.000.000 đồng.

Hiện nay thì toàn bộ phần đất này do ông Nhông sử dụng. Ông Lập không tranh chấp gì đối với phần đất này vì ông đã bán và nhận đủ tiền. Đối với việc tranh chấp tiền giữa Phạm Văn Đào với Nguyễn Văn Sĩ và Phạm Thị Thơm thì ông Lập hoàn toàn không biết. Ngoài ra, ông Lập không trình bày gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2024, người làm chứng Đoàn Quốc Tịnh trình bày:

Anh **Tịnh** là em rể ruột của Phạm Văn Đào và Phạm Thị Thơm, là anh

em bạn rẻ với Nguyễn Văn Sĩ.

Anh **Tĩnh** về sống tại ấp Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang hơn 02 năm nay.

Vừa qua vào ngày 25 tháng 11 năm nào anh **Tĩnh** không nhớ thì thấy ông Đào đưa tiền cho bà Thơm với ông Sĩ một lần. Lần sau vào ngày 25 tháng 12 cũng của năm đó thấy ông Đào đưa tiền cho bà Thơm với ông Sĩ thêm một lần. Qua hai lần đưa tiền thì số tiền cụ thể bao nhiêu anh **Tĩnh** không biết được nhưng anh **Tĩnh** biết được là số tiền đó do ông Đào đưa cho bà Thơm với ông Sĩ là để đặt cọc tiền ông Đào mua đất.

Ngoài ra anh **Tĩnh** không biết gì thêm. Do cả hai bên đều là anh vợ và chị vợ nên anh **Tĩnh** có thấy sao thì nói vậy không có thêm bớt gì và cam đoan lời trình bày của anh là đúng. Nếu sai anh **Tĩnh** hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2024, người làm chứng **Phạm Thị Nga** trình bày:*

Chị **Nga** là em ruột của Phạm Văn Đào và Phạm Thị Thơm, Nguyễn Văn Sĩ là anh rể chị **Nga**.

Vào năm 2022, chị **Nga** có biết ông Đào nhờ bà Thơm sang của Nguyễn Văn Lập phần đất, chị **Nga** biết phần đất đó giá 520.000.000 đồng nên ông Đào đưa cho bà Thơm 220.000.000 đồng để đặt cọc cho người bán đất. Chị **Nga** chứng kiến việc đưa tiền hai lần: Một lần 50.000.000 đồng, một lần 170.000.000 đồng. Sau đó ông Đào đi ở tù, lúc này vợ ông Đào là bà Yến ở nhà kêu bà Thơm đưa giấy tờ cho bà Yến coi nhưng bà Thơm không đưa giấy và cũng không trả tiền lại cho phía vợ ông Đào. Sau khi ông Đào đi tù về thì trong gia đình đã thương lượng với nhau nhưng bà Thơm, ông Sĩ vẫn chưa trả tiền lại cho ông Đào. Bà Thơm có mấy lần kêu ông Đào rút hồ sơ lại để bà Thơm trả tiền lại nhưng do bà Thơm không trả tiền nên ông Đào không rút hồ sơ.

Do cả hai bên đều là anh, chị em ruột với nhau nên chị **Nga** thấy sao thì nói vậy không có thêm bớt gì và cam đoan lời trình bày của chị là đúng. Nếu sai chị **Nga** hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung qua

các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại Tòa, Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 220 000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả bị đơn 40 000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tuyên bố nguyên đơn vi phạm hợp đồng đặt cọc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản (Đòi lại tài sản) được quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Nhông, Nguyễn Văn Lập; Các người làm chứng Đoàn Quốc Tịnh, Phạm Thị Nga có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cho rằng vào tháng 12 năm 2022, nguyên đơn có đưa cho bị đơn 220.000.000 đồng để nhờ bị đơn mua phần đất nhưng bị đơn không mua và cũng không trả lại tiền nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này. Bị đơn cho rằng có nhận của nguyên đơn 220.000.000 đồng nhưng là tiền nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn để mua đất nhưng bị đơn không thực hiện trả tiền tiếp theo cho bị đơn đúng theo thời gian đã thỏa thuận nên nguyên đơn mất cọc, bị đơn không đồng ý trả lại 220.000.000 đồng.

[3.1] Qua lời trình bày của các bên, xác định sự việc nguyên đơn có đưa và bị đơn có nhận của nguyên đơn 220.000.000 đồng là thật. Tuy nhiên, về lý do đưa tiền thì các bên trình bày có mâu thuẫn nhau.

[3.2] Nguyên đơn cho rằng đưa tiền để nhờ bị đơn mua đất. Lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của tất cả các người làm chứng, đặc biệt là các người làm chứng đều là anh em trong gia đình của cả nguyên và bị đơn

nên lời trình bày của các người làm chứng có giá trị chứng minh. Từ đó xét lời trình bày của nguyên đơn là có đưa tiền nhờ bị đơn chuyển nhượng đất giùm là có căn cứ.

[3.3] Xét trình bày của bị đơn: Bị đơn cho rằng đưa tiền để đặt cọc mua đất. Xét thấy, không có chứng cứ nào chứng minh là bị đơn có bán đất cho nguyên đơn và cũng không có chứng cứ nào chứng minh số tiền 220.000.000 đồng là bị đơn nhận cọc của nguyên đơn. Bởi lẽ, bị đơn không hề có giao dịch chuyển nhượng đất đai gì với nguyên đơn nên lời trình bày này không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Qua lời trình bày của ông Không, ông Lập. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản chất thật trong việc chuyển nhượng đất trên là: Cùng sau thời điểm nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn nhờ mua đất thì vợ chồng bị đơn có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất với ông Lập với giá 500.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bị đơn tiếp tục thỏa thuận với ông Không chuyển nhượng lại giá 520.000.000 đồng, vợ chồng bị đơn làm trung gian cho ông Lập ký tên chuyển nhượng đất và nhận tiền với ông Không, vợ chồng bị đơn được hưởng chênh lệch 20.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa ông Lập và ông Không đã thực hiện xong, không liên quan gì đến số tiền nguyên đơn giao bị đơn

[3.5] Qua đánh giá chứng cứ, xâu chuỗi lại lời trình bày của các bên xác định nguyên đơn có đưa tiền nhờ bị đơn mua đất và bị đơn có nhận từ nguyên đơn 220.000.000 đồng nhưng không thực hiện việc mua đất cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả lại số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11 tháng 7 năm 2024, do nguyên đơn ký nhận của bị đơn. Nguyên đơn thừa nhận có ký tên và nhận số tiền này. Từ đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại bị đơn 40.000.000 đồng.

[5] Từ đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 220.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại bị đơn 40.000.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Xét thấy giữa các bên là có mối quan hệ ruột thịt. Khi nguyên đơn đưa tiền nhờ bị đơn mua đất thì các bên không ràng buộc về các nghĩa vụ khác nếu có phát sinh tranh chấp nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Yêu cầu tuyên bố nguyên đơn vi phạm hợp đồng đặt cọc. Xét thấy, nguyên đơn không thừa nhận việc đưa tiền là theo hợp đồng đặt cọc, bị đơn không có căn cứ nào chứng minh đó là hợp đồng đặt cọc và hợp đồng đặt cọc theo bị đơn trình bày cũng không được lập thành văn bản theo quy định nên chưa làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên nên yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn chỉ được chấp nhận một phần nên các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 229 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc **Nguyễn Văn S và Phạm Thị Th** cùng có nghĩa vụ trả lại **Phạm Văn Đ** tổng số tiền **220.000.000đ** (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc **Phạm Văn Đào** có nghĩa vụ trả **Nguyễn Văn S và Phạm Thị Th** số tiền **40.000.000đ** (Bốn mươi triệu đồng).

Các bên sẽ được khấu trừ nghĩa vụ với nhau khi thi hành án.

Thời gian trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Phạm Văn Đ** về việc yêu cầu **Nguyễn Văn S và Phạm Thị Th** trả lãi suất.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của **Nguyễn Văn S và Phạm Thị Th** về việc yêu cầu tuyên **Phạm Văn Đ** vi phạm hợp đồng đặt cọc.

- Án phí dân sự sơ thẩm: **Phạm Văn Đ** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007002, ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyễn Văn S và Phạm Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007011, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Nguyễn Thanh Liêm